

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25 /2023/DS-ST
Ngày: 17/4/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chiêu
2. Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Mộng Cầm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08 /2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1960. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã X, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1969. (Vắng mặt)

Địa chỉ ấp Q, xã T, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh L trình bày: Vào ngày 05/8/2019 anh Nguyễn Thanh Q có hỏi vay bà số tiền 130.000.000đ thỏa thuận lãi suất 70.000đ/ngày, thời hạn vay là 07 ngày để ông Q trả tiền đáo hạn Ngân hàng. Nhưng sau khi vay anh Q không trả lãi đến hạn cũng không trả vốn, bà đã nhiều lần đến gặp anh Q yêu cầu trả tiền, anh Q vẫn không trả. Bà khởi kiện yêu cầu anh Q có nghĩa vụ trả số tiền nợ vốn là 130.000.000đ và lãi tính mức lãi suất bằng 1,66%/tháng tính từ ngày 05/8/2019 đến ngày 5/11/2022 là 39 tháng số tiền lãi là 84.162.000đ, tổng cộng vốn lãi

214.162.000đ

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị anh Nguyễn Thanh Q, đồng thời triệu tập các đương sự đến tham gia phiên hoà giải nhiều lần nhưng bị đơn không trình bày ý kiến bằng văn bản gửi cho Toà án. Toà án Qết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên toà nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày

Bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Thanh Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên.

[1.3] Về xác định chứng cứ: Biên nhận ngày 05/8/2019 có chữ ký tên và viết họ tên Nguyễn Thanh Q được xác định là chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L khởi kiện anh Nguyễn Thanh Q yêu cầu trả số tiền nợ vốn 130.000.000đ và yêu cầu tính lãi mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 05/8/2019 đến ngày 05/11/2022 là 39 tháng số tiền lãi 84.162.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Ngày 05/5/2019 anh Nguyễn Thanh Q có vay của bà Nguyễn Thị Thanh L số tiền 130.000.000đ, anh Q có viết Biên nhận vay tiền nội dung biên nhận thể hiện “*Tôi tên Nguyễn Thanh Q ngụ ấp Q, xã T, huyện O có hỏi của chị L số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng)...*”. Do đó, Hội đồng xét xử xác định giữa bà Nguyễn Thị Thanh L và anh Nguyễn Thanh Q có xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[2.2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L trình bày mục đích anh Nguyễn Thanh Q vay tiền là để đáo hạn ngân hàng, thỏa thuận thời hạn trả là 07 ngày nhưng sau khi vay để trả tiền Ngân hàng, anh Q không vay được tiền từ ngân hàng không trả

lãi và không trả vốn cho bà đúng hạn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Q nhưng anh Q không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung trình bày của bà L. Chứng tỏ, anh Q còn nợ bà L số tiền vốn 130.000.000đ là có thật và bà L yêu cầu anh Q có nghĩa vụ trả số tiền 130.000.000đ là có căn cứ chấp nhận phù hợp theo quy định tại các điều 464,465 và Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[2.3] Về lãi suất: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L trình bày thời gian anh Q nhận tiền của bà từ ngày 05/8/2019 đến thời điểm bà L khởi kiện anh Q đến nay anh Q không trả lãi cho bà nhưng anh Q cũng không có ý kiến phản đối về lời trình bày của bà L. Tại phiên tòa, bà L yêu cầu tính mức lãi suất bằng 1,66%/ tháng tính từ ngày 05/8/2019 đến ngày 05/11/2022 thời gian 39 tháng số tiền 84.162.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, anh Nguyễn Thanh Q đã xác lập hợp đồng vay tài sản với bà L, hai bên thỏa thuận hợp đồng vay có lãi nhưng anh Q nhận tiền vay nhưng không trả lãi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự. Lẽ ra, bà L có quyền yêu cầu anh Q trả số tiền lãi trên nợ gốc và lãi trên nợ gốc quá hạn tính từ ngày nhận tiền vay đến ngày xét xử sơ thẩm nhưng bà L chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 05/8/2019 đến ngày 05/11/2022 số tiền lãi là 84.162.000đ là có lợi cho bị đơn, có căn cứ chấp nhận phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn anh Nguyễn Thanh Q có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền buộc trả cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: Buộc anh Nguyễn Thanh Q có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 10.708.100đ (*Mười triệu bảy trăm lẻ tám nghìn một trăm đồng*)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 95; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463, 464, 465, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Thanh Q có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L số tiền vốn 130.000.000đ, lãi số tiền 84.162.000, tổng cộng vốn lãi 214.162.000đ (*Hai trăm mười bốn triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/4 /2023) nếu bị đơn chưa trả xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Thanh Q có nghĩa vụ nộp số tiền 10.708.100đ (*Mười triệu bảy trăm lẻ tám nghìn một trăm đồng*)

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể ngày tuyên án, riêng bị đơn anh Nguyễn Thanh Q vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thu Nga